

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - BỘ TÀI CHÍNH

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ TÀI CHÍNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc cung cấp, đăng tải các thông tin về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu, bao gồm các thông tin về đấu thầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu, trừ các thông tin đối với những dự án, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP).

2. Thông tư này quy định việc lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với các gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước theo phương thức đấu thầu một giai đoạn một túi hồ sơ quy định tại Điều 28 của Luật Đấu thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này được chọn áp dụng việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu hoặc chọn áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* là hệ thống công nghệ thông tin do Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành có địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định tại Khoản 26 Điều 4 Luật Đấu thầu.

2. *Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* theo quy định tại Điều 85 Luật Đấu thầu là Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp đơn vị trực thuộc Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thành lập để thực hiện chức năng quản lý và vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thì đơn vị này là Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. *Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số* dùng trong Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tương thích với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. *Văn bản điện tử* là văn bản dưới dạng điện tử được soạn thảo, gửi, nhận và lưu trữ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bao gồm: kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; thông tin dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng; hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá; hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ đề xuất, báo giá; biên bản mở thầu, biên bản mở hồ sơ đề xuất, báo giá; báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất, báo cáo đánh giá các báo giá, báo cáo thẩm định (đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng); danh sách ngắn; kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư và các văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu trong quá trình cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng.

5. *Chứng thư số sử dụng trong Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* là chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định tại Khoản 3 Điều này cấp. Chứng thư số có hiệu lực là chứng thư số chưa hết hạn, không bị tạm dừng, hủy hoặc thu hồi.

6. *Lịch sử giao dịch* của người sử dụng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là bản ghi thông tin gửi, nhận dữ liệu giao dịch của người đó trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

7. *Hướng dẫn sử dụng* là các văn bản điện tử hướng dẫn chi tiết tại “*Hướng dẫn sử dụng*” trên trang chủ để người sử dụng thực hiện các giao dịch trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 4. Tính hợp lệ của văn bản điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Văn bản điện tử theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Thông tư này được chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu và nhà đầu tư phát hành dưới dạng điện tử thì được xem là văn bản gốc, có giá trị pháp lý để làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực phục vụ công tác đánh giá, giám sát, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán và giải ngân đảm bảo thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu theo Khoản 26 Điều 4 Luật Đấu thầu.

2. Các tổ chức, cá nhân khi thực hiện đánh giá, giám sát, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán trong quá trình lựa chọn nhà thầu không được yêu cầu cung cấp văn bản giấy khi các tổ chức, cá nhân này có thể tra cứu, xem văn bản điện tử tương ứng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trừ trường hợp cần kiểm tra, xác nhận văn bản gốc đối với các văn bản mà chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu và nhà đầu tư không thể phát hành dưới dạng điện tử (như thư bảo lãnh, hợp đồng tương tự, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, giấy phép bán hàng).

3. Văn bản điện tử được gửi đến Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chỉ được coi là có giá trị khi đã gửi thành công mà Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhận được và có phản hồi (ngay sau khi nhận được). Thời gian gửi, nhận các văn bản điện tử được xác định căn cứ theo thời gian ghi lại trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và không thể bị chỉnh sửa bởi Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hay bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

4. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thông báo cho người gửi văn bản điện tử tình trạng gửi (thành công hay không thành công) khi họ gửi văn bản điện tử lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

5. Bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư, Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia truy xuất lịch sử các giao dịch của mình trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (bao gồm thông tin về thời điểm, người gửi, người nhận, tình trạng gửi văn bản điện tử và các thông tin khác). Thông tin về lịch sử giao dịch được sử dụng để giải quyết tranh chấp (nếu có) về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 5. Điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin

Để tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin như sau:

1. Đường truyền Internet:

- a) Có kết nối đến Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- b) Mở các cổng (port): 8070, 8080, 8081, 8082, 4502, 4503, 9000.

2. Yêu cầu máy tính:

- a) Hệ điều hành: Windows;
- b) Trình duyệt Internet Explorer.

Điều 6. Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Đối với bên mời thầu

a) Quy trình đăng ký:

Bên mời thầu thực hiện đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo các bước sau:

- Bước 1: Nhấn nút “*Đăng ký*” trên trang chủ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để thực hiện đăng ký tư cách bên mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và gửi hồ sơ đăng ký trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Bước 2: Kiểm tra trạng thái phê duyệt đăng ký;

- Bước 3: Nhận chứng thư số;

- Bước 4: Đăng ký thông tin người sử dụng chứng thư số.

b) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn đăng ký bên mời thầu (do Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tạo ra trong quá trình khai báo thông tin ở bước 1 Điểm a Khoản này);

- Bản chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bên mời thầu đăng ký;

- Bản chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của bên mời thầu đăng ký.

c) Xử lý hồ sơ đăng ký

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký, Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của bản đăng ký điện tử trên Hệ thống và hồ sơ đăng ký bằng văn bản do bên mời thầu gửi đến. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, bên mời thầu được đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có trách nhiệm thông báo lý do trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và hướng dẫn bên mời thầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ, bản đăng ký cho phù hợp.

Chi tiết các bước thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng* trên trang chủ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và hỗ trợ của Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

d) Thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo các bước sau:

- Bước 1: Đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Bước 2: Thực hiện chỉnh sửa, bổ sung thông tin đã đăng ký;

- Bước 3: Gửi văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin và các văn bản có liên quan đến việc thay đổi, bổ sung thông tin đến Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký và các văn bản có liên quan, Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia kiểm tra tính chính xác của việc thay đổi, bổ sung trên mạng và thông tin thay đổi, bổ sung bằng văn bản do bên mời thầu gửi đến và chấp thuận việc thay đổi, bổ sung trường hợp thông tin chính xác. Trường hợp thông tin thay đổi, bổ sung trên mạng và trong văn bản không phù hợp, Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có trách nhiệm thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và hướng dẫn bên mời thầu sửa đổi cho phù hợp.

2. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư

a) Quy trình đăng ký:

Nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo các bước sau: